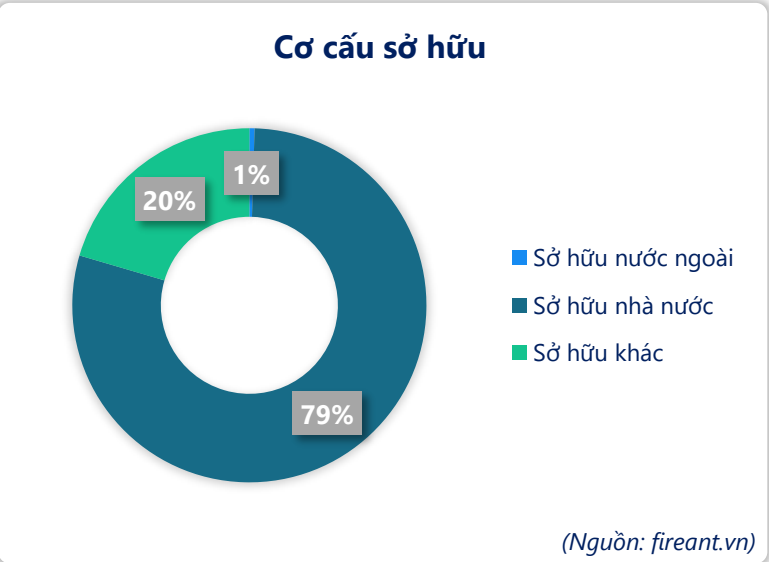
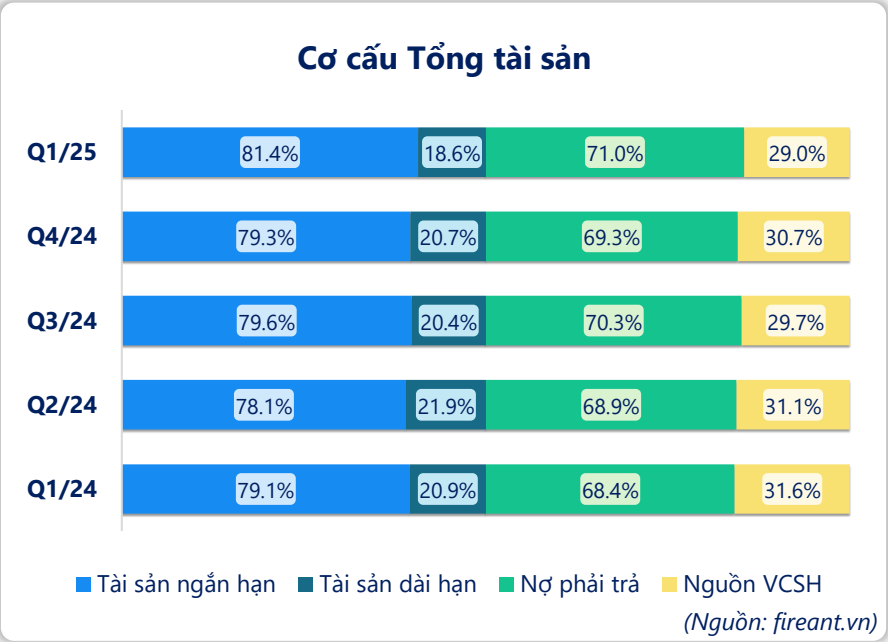
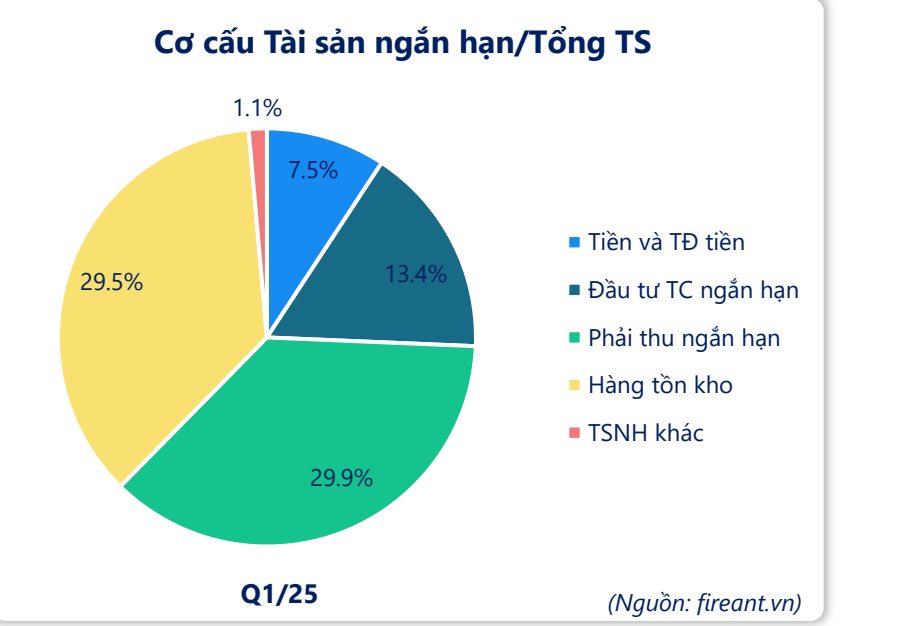
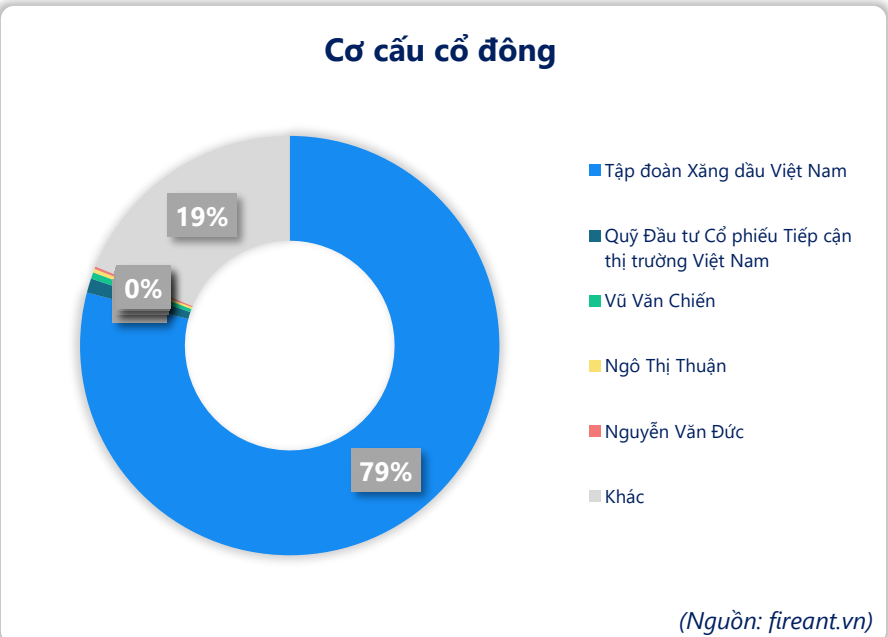
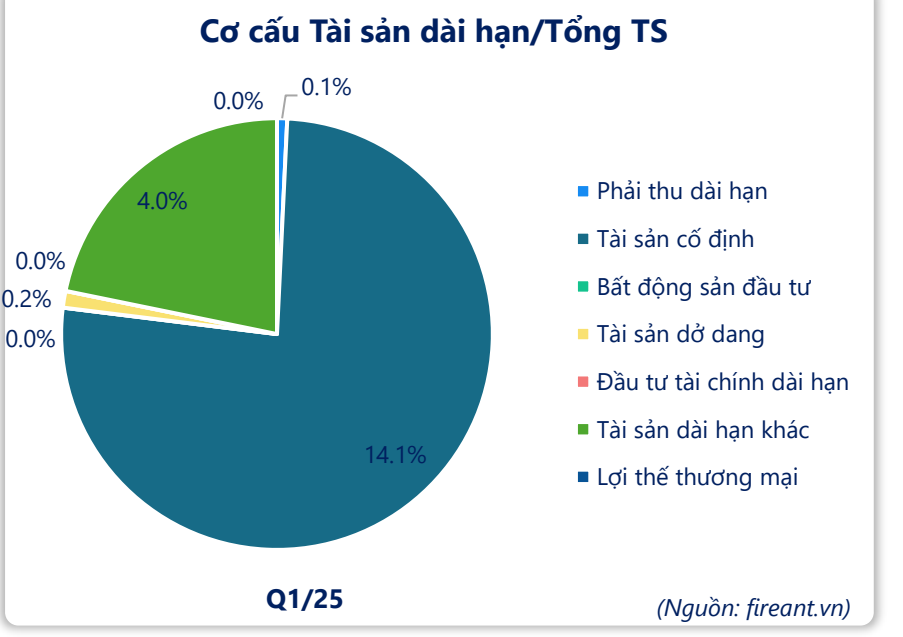
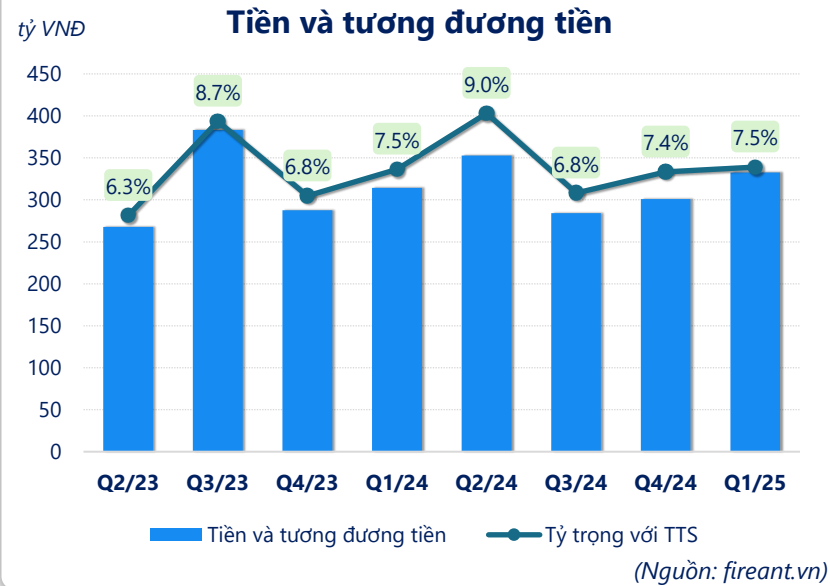
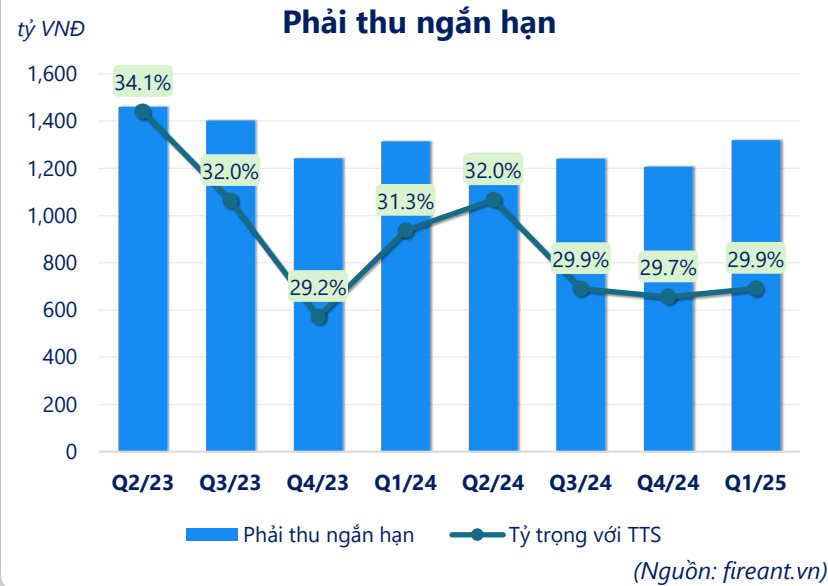
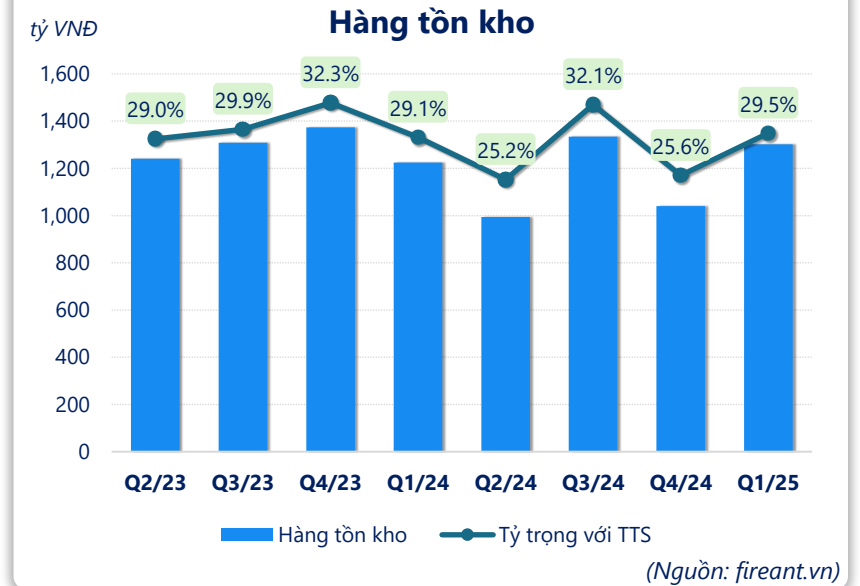
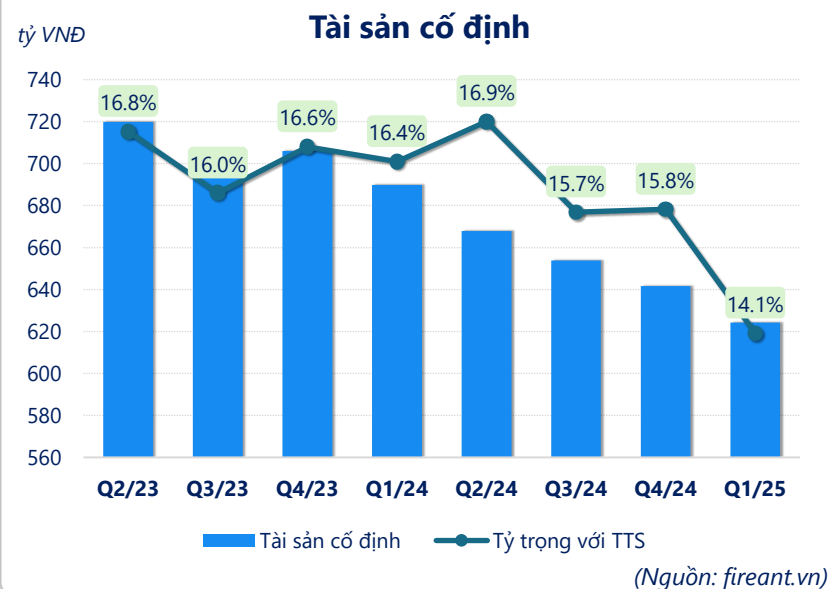
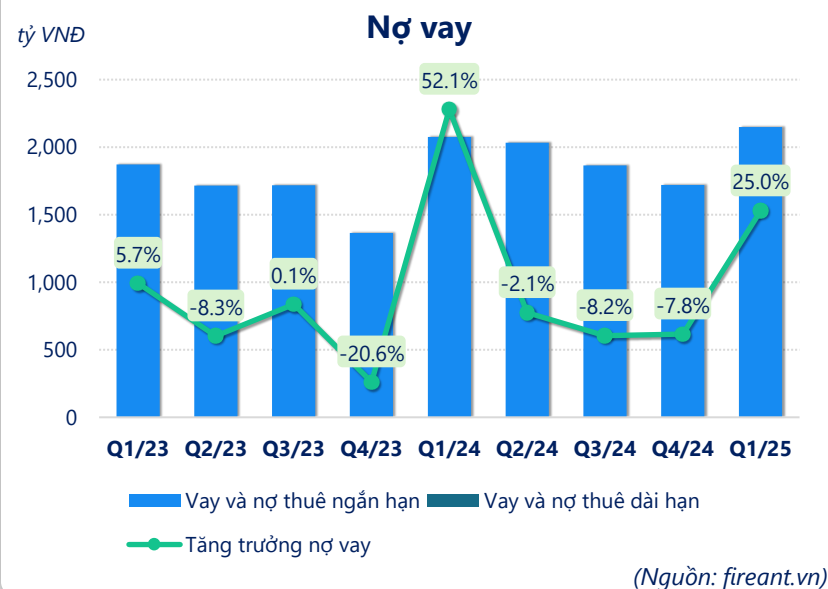
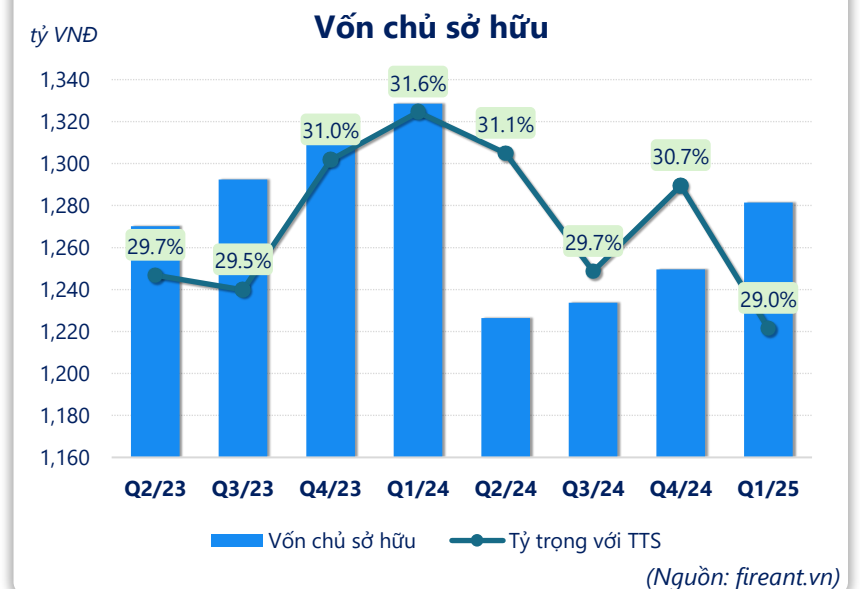
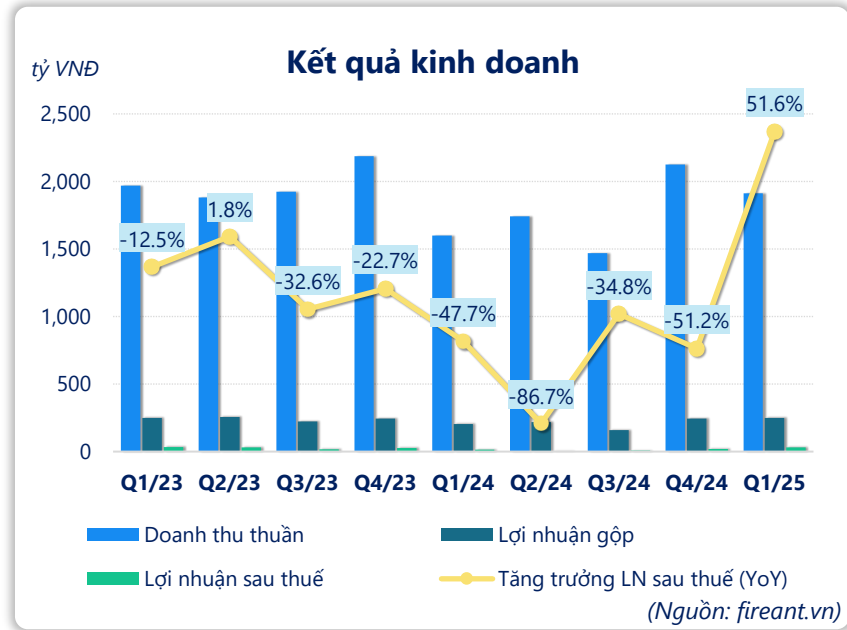
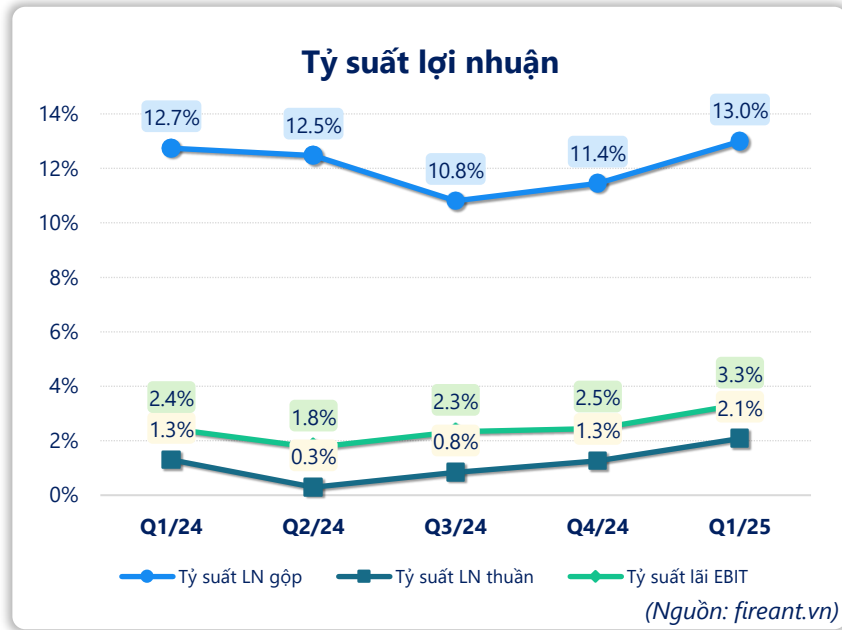
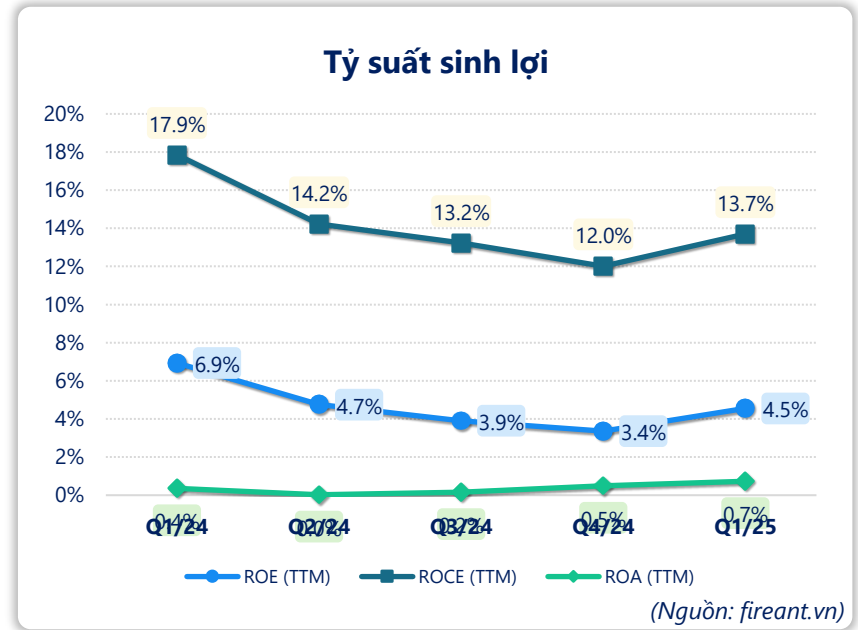
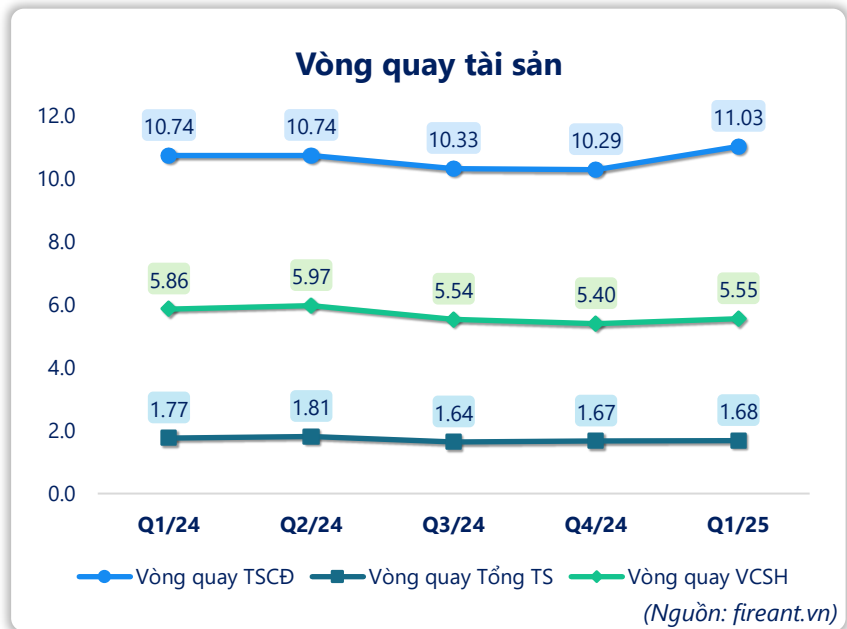
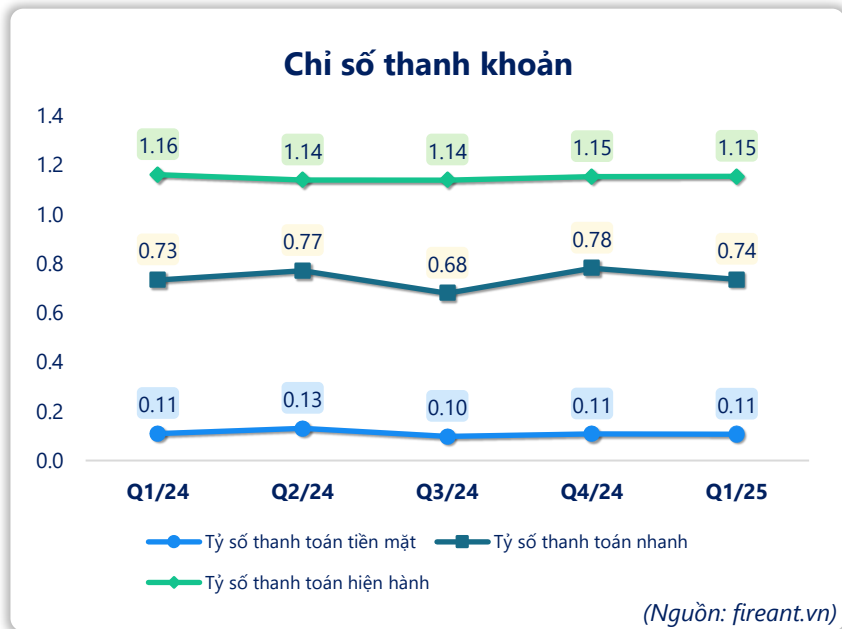
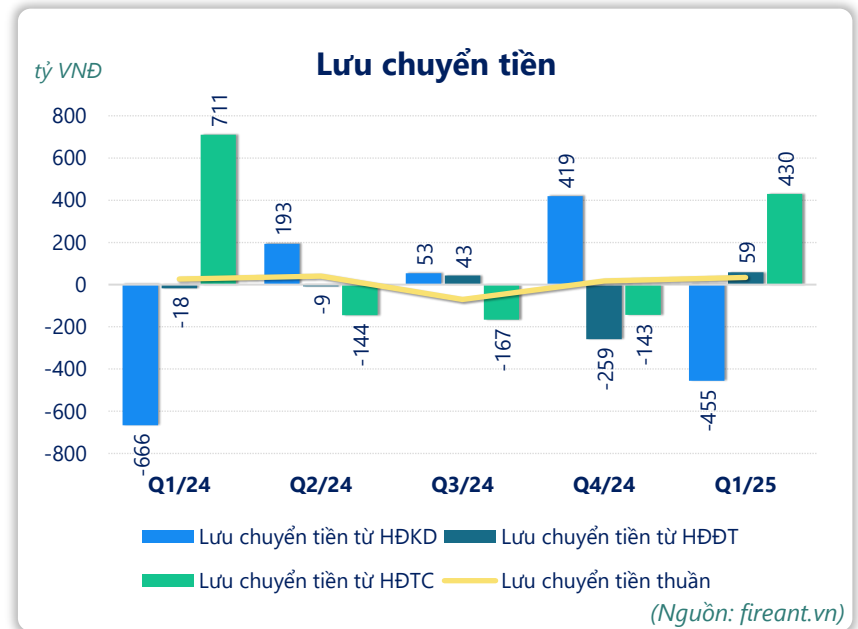


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,837
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,200
SL cổ phiếu LH		80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)		283,300
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,891
P/E		31.8
EPS		735

	YTD	1T	3T	6T
PLC	6.8%	-10.0%	1.7%	-6.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,413	4,080	8.2%
Tài sản ngắn hạn	3,594	3,239	11.0%
Tiền và tương đương tiền	333	299	11.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	590	646	-8.6%
Phải thu ngắn hạn	1,319	1,206	9.4%
Hàng tồn kho	1,302	1,054	23.5%
Tài sản ngắn hạn khác	50.2	33.7	49.1%
Tài sản dài hạn	819	841	-2.6%
Phải thu dài hạn	6.25	6.27	-0.4%
Tài sản cố định	624	642	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.2	10.7	-4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	179	183	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,132	2,830	10.6%
Nợ ngắn hạn	3,114	2,812	10.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,149	1,719	25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	810	948	-14.5%
Nợ dài hạn	17.8	17.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,281	1,250	2.5%
Vốn chủ sở hữu	1,281	1,250	2.5%
Vốn điều lệ	808	808	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,599	1,741	1,468	2,124	1,912
Giá vốn hàng bán	1,395	1,524	1,309	1,881	1,663
Lợi nhuận gộp	204	217	159	243	248
Doanh thu HĐTC	10.4	10.9	31.5	2.86	21.8
Chi phí TC	30.2	43.4	21.0	36.0	25.8
Chi phí lãi vay	18.1	23.3	21.7	22.5	23.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	133	146	117	176	164
Chi phí QLDN	30.4	33.8	39.6	7.00	40.3
LN thuần từ HĐKD	20.8	5.12	12.3	26.8	39.8
Lợi nhuận khác	-0.04	2.11	0.22	2.83	-0.07
LN trước thuế	20.8	7.23	12.5	29.7	39.7
Lợi nhuận sau thuế	15.3	0.98	6.60	20.3	31.5
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	0.98	6.60	20.3	31.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-666	193	53.4	419	-455
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.2	-8.67	43.1	-259	58.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	711	-144	-167	-143	430
Tiền đầu kỳ	288	314	353	284	299
Lưu chuyển tiền thuần	26.6	40.3	-70.3	16.8	33.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-1.59	1.59	0	0
Tiền cuối kỳ	314	353	284	301	333

(Nguồn: fireant.vn)